

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2025/HS-PT
Ngày 31-3-2025

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Hiếu

Các Thẩm phán: Ông Đào Trọng Hải

Ông Hoàng Trí Thức

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 207/2024/TLPT-HS ngày 25/11/2024 đối với các bị cáo Vũ Văn D, Vũ Văn C, Phạm Văn T do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 115/2024/HSST ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện L (nay là L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Vũ Văn D, sinh năm 1955 tại tỉnh Nam Định; nơi đăng ký thường trú: Ấp H, xã P, huyện L (nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: làm thuê; con ông Vũ Hữu C1 (đã chết) và bà Phạm Thị T1 (đã chết); gia đình có bốn người con, bị cáo là con thứ hai; vợ là Nguyễn Thị T2 (sinh năm 1958); bị cáo có sáu người con, lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1993.

Tiền án, tiền sự: Không. (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Vũ Văn C, sinh năm 1991 tại tỉnh Nam Định; nơi đăng ký thường trú: Ấp H, xã P, huyện L (nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Vũ Văn D (sinh năm 1955) và bà Nguyễn Thị T2 (sinh năm 1958); gia đình bị cáo có sáu người con, bị cáo là con thứ năm; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không. (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. Phạm Văn T, sinh năm 1984 tại tỉnh Nam Định; nơi đăng ký thường trú: Ấp H, xã P, huyện L (nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: thợ hồ; con ông Phạm Văn T3 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Y (sinh năm 1945); gia đình bị cáo có năm người con, bị cáo là con thứ tư; vợ là Nguyễn Vũ Hồng H (sinh năm 1983); bị cáo có hai người con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không. (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho các bị cáo D, Công, T: Luật sư Nguyễn Thị Diễm H1 – Công ty L, thuộc đoàn luật sư tỉnh B. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 02/02/2024, Phạm Văn T nhận được điện thoại của một thanh niên (chưa rõ nhân thân, lai lịch) hỏi mua 16 dây pháo nổ, T đồng ý hẹn giao nhận pháo tại khu vực bãi đất trống ở đường “Hoàng Văn T4” thuộc khu phố H, thị trấn L, huyện L. Đến 11 giờ 30 phút cùng ngày, T lấy 16 dây pháo nổ bỏ vào bên trong một thùng giấy màu vàng, điều khiển xe mô tô, biển số 72H1-054.72, chở toàn bộ số pháo trên đến địa điểm đã hẹn để giao pháo. Trong lúc T đứng chờ người đến mua pháo, Phòng PC02 Công an tỉnh B phối hợp với Công an huyện L kiểm tra phát hiện bắt quả tang thu giữ toàn bộ số pháo trên. Qua làm việc, T khai nhận đã mua số pháo trên của Vũ Văn D vào ngày 31/01/2024 với số tiền 8.000.000đ.

Mở rộng điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L tiến hành khám xét khẩn cấp nhà của Vũ Văn D thu giữ được 10 dây pháo. Quá trình điều tra xác định: Do có người cần mua pháo để sử dụng trong dịp tết Nguyên đán 2024 nên D truy cập vào các trang mạng xã hội học cách sản xuất pháo để bán kiếm tiền lời. Để sản xuất pháo nổ, D nói với con ruột là Vũ Văn C tìm trên các trang mạng xã hội đặt mua các nguyên vật liệu chế tạo pháo. Sau đó, C lên mạng xã hội đặt mua các nguyên liệu gồm 01 kg bột lưu huỳnh, 10 mét dây chày chày chậm và đốt củi lấy than (Cacbon); còn D mua phân bón lá “Dola 02X” để tinh chế tách lấy Kali Nitrat (KNO_3). Sau khi có đủ các nguyên vật liệu, D và Công chế tạo ra thành nhiều dây pháo nổ. Vào ngày 31/01/2024, D đã bán 16 dây pháo nổ cho Phạm Văn T với số tiền là 8.000.000đ (T đã trả trước 3.500.000đ, nợ lại 4.500.000đ). Đối với 10 dây pháo thu giữ tại nhà D được cất giấu với mục đích bán lại cho người khác.

Tại Kết luận giám định số 1394/KL-KTHS ngày 08 tháng 03 năm 2024 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ C2 kết luận:

- Mẫu vật ký hiệu M1 (16 dây gồm các ống giấy hình trụ tròn màu đỏ dài 5,5cm, đường kính 01cm liên kết với nhau) gửi giám định là pháo nổ tự tạo. Khi đốt phát ra tiếng nổ. Khối lượng là 6,85 kg;

- Mẫu vật ký hiệu M2 (10 dây gồm các ống giấy hình trụ tròn màu đỏ dài 5,5cm, đường kính 01cm liên kết với nhau; 01 túi nylon chứa các ống giấy hình trụ tròn màu đỏ dài 5,5cm, đường kính 01cm) gửi giám định là pháo nổ tự tạo. Khi đốt phát ra tiếng nổ. Khối lượng là 5,62 kg;

- Mẫu vật ký hiệu M3 gồm:

+ 02 túi nylon chứa tinh thể màu trắng gửi giám định là Kali Nitrat (KNO₃). Kali Nitrat là thành phần chính thường được dùng để chế tạo thuốc nổ đen. Khối lượng 584g.

+ 01 túi nylon chứa tinh thể màu trắng gửi giám định không định danh được. Khối lượng là 170g.

+ 01 túi nylon chứa tinh thể màu xanh gửi giám định không định danh được. Khối lượng là 35g.

+ 01 túi nylon chứa chất bột màu đỏ giám định không định danh được. Khối lượng là 30g.

Tại Cơ quan điều tra, Vũ Văn D, Vũ Văn C và Phạm Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên.

2. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 115/2024/HSST ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện L (nay là L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã quyết định:

Tuyên bố: bị cáo Vũ Văn D phạm tội “Sản xuất, buôn bán hàng cấm”; tuyên bố bị cáo Vũ Văn C phạm tội “Sản xuất hàng cấm”; tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190, điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 58, 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Văn D 2 (hai) năm tù về tội “Sản xuất, buôn bán hàng cấm”, thời hạn chấp hành hình phạt tù từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190, điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 58, 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Văn C 1 (một) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “Sản xuất hàng cấm”, thời hạn chấp hành hình phạt tù từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01 (một) năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm”, thời hạn chấp hành hình phạt tù từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Buộc bị cáo Vũ Văn D phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 3.500.000đ (ba triệu năm trăm ngàn đồng) để sung ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

3. Ngày 21, 23 và 26 tháng 8 năm 2024, các bị cáo Phạm Văn T, Vũ Văn Công V, Văn D có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

4. Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Các bị cáo có kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Vũ Văn D 02 (hai) năm tù về tội “Sản xuất, buôn bán hàng cấm”; bị cáo Vũ Văn C 01 năm 04 tháng tù về tội “Sản xuất hàng cấm”; bị cáo Phạm Văn T 01 năm tù về tội về tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự là phù hợp, đúng người, đúng tội. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo D đã đủ 70 tuổi là người già, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm o khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo C và T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo C, T; giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với các bị cáo C, T.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến luật sư:

- Về tội danh: luật sư không tranh luận.

- Về hình phạt: sau khi phân tích các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo; luật sư đề nghị Hội đồng xét xử:

Đối với bị cáo Vũ Văn D: Áp dụng các điểm s, i, b, o, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Đối với các bị cáo Vũ Văn C, Phạm Văn T: Áp dụng các điểm s, i, h khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo được hưởng án treo.

5. Các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, nói lời sau cùng thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:*

Đơn kháng cáo của các bị cáo Vũ Văn D, Vũ Văn C, Phạm Văn T làm và gửi trong thời hạn luật định nên hợp lệ, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng tháng 12/2023, tại nhà của Vũ Văn D thuộc ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, D cùng Vũ Văn C đặt mua các nguyên vật liệu về để cùng chế tạo thành 26 dây pháo nổ có tổng khối lượng 12,47kg. Ngày 31/01/2024, D bán cho Phạm Văn T 16 dây pháo nổ có tổng khối lượng 6,85kg. Đến ngày 02/02/2024, tại khu tái định cư thuộc khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, T bị bắt quả tang có hành vi bán 16 dây pháo nổ cho một người không rõ nhân thân, lai lịch.

Như vậy hành vi của bị cáo Vũ Văn D đã phạm vào tội “Sản xuất, buôn bán hàng cấm”; hành vi của bị cáo Vũ Văn C đã phạm vào tội “Sản xuất hàng cấm” và hành vi của bị cáo Phạm Văn T đã phạm vào tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo với tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước trong quản lý, sản xuất, mua bán pháo nổ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo ý thức được việc sản xuất, buôn bán pháo nổ bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng vẫn thực hiện. Cấp sơ thẩm khi lượng hình đã xem xét toàn diện hành vi của bị cáo, những căn cứ giảm nhẹ hình phạt như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu. Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo D đã 70 tuổi thuộc trường hợp người già nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm o khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo D hoàn cảnh gia đình khó khăn, có nhiều bệnh tật; bị cáo C tham gia với vai trò giúp sức, bị cáo lên mạng đặt mua nguyên liệu giúp bố sản xuất pháo nổ, bị cáo không được hưởng lợi gì, hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình nuôi dưỡng bố mẹ già được chính quyền địa phương xác nhận; bị cáo T mua 6,85kg pháo mục đích để bán nhưng chưa bán được thì đã bị bắt, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn là lao động chính trong gia đình, có xác nhận của chính quyền địa phương nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì các bị cáo đủ điều kiện để được hưởng án treo. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất chấp nhận kháng cáo của các bị cáo giữ nguyên mức hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ giáo dục, răn đe đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của các bị cáo Vũ Văn D, Vũ Văn C, Phạm Văn T; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 115/2024/HS-ST ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện L (nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đối với các bị cáo Vũ Văn D, Vũ Văn C, Phạm Văn T.

Tuyên bố: bị cáo Vũ Văn D phạm tội “Sản xuất, buôn bán hàng cấm”; bị cáo Vũ Văn C phạm tội “Sản xuất hàng cấm”; bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

1.1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190, điểm s, o khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn D 02 (hai) năm tù, về tội “Sản xuất, buôn bán hàng cấm”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc phẩm.

1.2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn C 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù, về tội “Sản xuất hàng cấm”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 32 (ba mươi hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc phẩm.

1.3. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01 (một) năm tù, về tội “Buôn bán hàng cấm”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án phúc phẩm.

Giao các bị cáo Vũ Văn D, Vũ Văn C, Phạm Văn T cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện L (nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình các bị cáo Vũ Văn D, Vũ Văn C, Phạm Văn T có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân nơi các bị cáo cư trú trong việc giám sát giáo dục các bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo; nếu phạm tội mới trong thời gian thử thách, người

được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Bộ luật Hình sự.

2. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 115/2024/HS-ST ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện L (nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Vũ Văn D, Vũ Văn C, Phạm Văn T không phải nộp.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh BR-VT;
- PV 27 Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Tòa án nhân dân huyện L;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện L;
- Công an huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thành Hiếu